

Bảng dữ liệu an toàn vật liệu

Tên thương mại	SHL SAMSOL F-14
----------------	-----------------

1. SẢN PHẨM HÓA CHẤT & NHẬN DẠNG CÔNG TY

Tên thương mại	SHL SAMSOL F-14
Đặc tính chung	Hỗn hợp
Ứng dụng	Dầu gia công kim loại pha nước
Tên và địa chỉ nhà sản xuất	SHL ASEAN CO., LTD. Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, phường Mỹ Xuân, thị trấn Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. TEL: +84(0) 2543 876 287 - Fax: +84(0) 2543 876 288
Tên nhà cung cấp	SHL ASEAN CO., LTD.
Bộ phận	Phòng kỹ thuật

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

PHÂN LOẠI NGUY HIỂM

- Độc tính cấp tính đối với da. Loại 4.
- Độc tính cấp tính hít phải (bụi và sương dầu). Loại 4.
- Ăn mòn / kích ứng da. Loại 2.
- Kích ứng mắt/ tổn thương mắt. Loại 1.
- Nhạy cảm với da. Loại 1.
- Chất gây độc cho sinh sản. Loại 1B.
- Độc tính cơ quan cụ thể (Tiếp xúc 1 lần). Loại 2.
- Độc tính cơ quan cụ thể (Tiếp xúc nhiều lần). Loại 2.
- Nguy hiểm với môi trường nước, độc tính cấp tính Loại 1.
- Nguy hiểm với môi trường nước, độc tính mãn tính Loại 1

NHÃN

HÌNH GHS



Nguy hiểm

Từ kí hiệu

Báo cáo nguy hiểm

- Có hại khi tiếp xúc với da,
- Gây hại nếu hít phải
- Gây kích ứng da.
- Gây tổn hại mắt nghiêm trọng
- Có thể gây phản ứng dị ứng da
- Có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc em bé chưa sinh
- Có thể gây hại tới các cơ quan nội tạng.
- Có thể gây hại tới các cơ quan nếu tiếp xúc hoặc tiếp xúc nhiều lần.
- Rất độc cho môi trường thủy sinh.
- Rất độc cho môi trường thủy sinh với tác dụng kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa

Ngăn ngừa

- P201 Đọc kĩ hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
- P202 Đọc hiểu các biện pháp phòng ngừa an toàn trước khi xử lý.
- P260 Không hít bụi/ khói/ khí gas/ sương/ hơi/ phun của dầu.
- P261 Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ phun của dầu.
- P264 Rửa sạch tay và cơ thể sau khi xử lý.
- P270 Không ăn uống hay hút thuốc trong khi sử dụng sản phẩm.
- P271 Chỉ sử dụng ngoài trời hay những nơi thoáng khí.
- P272 Quần áo bị nhiễm bẩn không được phép mang ra ngoài nơi làm việc.
- P273 Tránh thải ra môi trường.
- P280 Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân theo yêu cầu.

Biện pháp đối phó

- P310 Lập tức gọi cho trung tâm giải độc hoặc bác sĩ/ thầy thuốc.
- P312 Gọi cho trung tâm giải độc hoặc bác sĩ/ thầy thuốc nếu cảm thấy không ổn.
- P314 Nhận điều trị y tế/ theo dõi nếu cảm thấy không ổn.
- P321 Điều trị đặc biệt (xem... Trên nhãn này).
- P322 Xử lý đặc biệt (Xem ... Trên nhãn này).
- P362 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
- P363 Giặt sạch quần áo nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.
- P391 Thu gom chất bị tràn ra ngoài.

P302+P352	NẾU ĐÍNH VÀO DA: Rửa với nhiều xà phòng và nước.
P304+P340	NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí và nghỉ ở tư thế thoải mái để thở.
P308+P313	NẾU tiếp xúc hoặc dính phải: Nhận tư vấn / chú ý y tế.
P309+P311	NẾU tiếp xúc hoặc nếu cảm thấy không khỏe: Gọi cho TRUNG TÂM GIẢI ĐỘC hoặc bác sĩ / bác
P332+P313	Nếu kích ứng da xảy ra: Nhận điều trị y tế/ theo dõi.
P333+P313	Nếu xảy ra kích ứng da hoặc phát ban: Nhận điều trị y tế/ theo dõi.
P305+P351+P338	NẾU ĐÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và để làm. Tiếp tục rửa.

Bảo quản

P405 Bảo quản đóng kín.

Xử lý

P501 Xử lý trong hệ thống xử lý hợp pháp hoặc qua công ty xử lý chất thải.

NGUY HIỂM KHÁC

Chỉ số NFPA

Nước : Sức khỏe cộng đồng : 0, Cháy : 0, Phản ứng : 0
 Alkanol amine : Sức khỏe cộng đồng :2, Cháy : 2, Phản ứng : 0
 Triethanolamine : Sức khỏe cộng đồng :2, Cháy : 1, Phản ứng : 1
 Boric acid : Sức khỏe cộng đồng :2, Cháy : 0, Phản ứng :0
 Fatty acid ester : Sức khỏe cộng đồng :2, Cháy : 1, Phản ứng : 0
 Distilled tall oil : Sức khỏe cộng đồng :1, Cháy : 1, Phản ứng : 0
 Sản phẩm paraffinic nhẹ đã xử lý hydro : Sức khỏe cộng đồng :1, Cháy : 1, Phản ứng : 0
 Codacide oil : Sức khỏe cộng đồng-0, Cháy-1, Phản ứng-0
 Other ingredients : Không có dữ liệu

3. THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Nhận danh hóa chất	Đồng danh	Số CAS	Nồng độ (%)
Nước	Dihydrogen oxide	7732-18-5	15 - 25
Alkanol amine	Alkanol amine	Bảo mật	5 - 15
Triethanolamine	Trolamine	102-71-6	1 - 10
Boric acid	Boric acid	10043-35-3	1 - 5
Fatty acid	Fatty acid	Bảo mật	1 - 5
Fatty acid ester	Fatty acid ester	Bảo mật	1 - 10
Distilled tall oil	Tall oil	8002-26-4	1 - 10
Sản phẩm chung cất paraffinic nhẹ đã xử lý hydro	Dầu khoáng	64742-55-8	35 - 45
Codacide oil	Codacide oil	8002-13-9	1 - 10
.alpha.-Isotridecyl-.omega.-hydroxypoly(oxy-1,2-ethanediyl)	.alpha.-Isotridecyl-.omega.-hydroxypoly(oxy-1,2-ethanediyl)	9043-30-5	1 - 5
Bảo mật	Bảo mật	Bảo mật	1 - 5

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

MÔ TẢ CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Đính vào mắt

Rửa bằng dung dịch rửa mắt hoặc nước, giữ mí mắt và rửa ít nhất trong 15 phút.
 Chăm sóc y tế ngay lập tức.
 Nếu mắt bị đỏ và sung huyết liên tục, nhận điều trị y tế.

Đính vào da

Rửa với xà phòng và nước khoảng 15 phút.
 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi mặc lại.
 Nếu kích ứng vẫn liên tục duy trì trên da, nhận điều trị y tế.

Hít phải

Ra ngoài không khí trong lành. Nếu không phục hồi, nhận trợ giúp y tế.

Nuốt phải

Trong trường hợp bị kích ứng, đi khám bác sĩ.
 Ngăn nôn mửa. Nếu bị nôn mửa, giữ đầu thấp hơn hông để ngăn tắc đường thở.
 Không cho người bất tỉnh ăn bất kì thứ gì
 Ngay lập tức, nhận điều trị y tế.

Lời khuyên từ bác sĩ

NẾU ĐÍNH TRÊN DA: Rửa với nhiều xà phòng và nước.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp

Hóa chất khô, cacbon dioxit, nước, bọt chữa cháy.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp

Không có dữ liệu

Chất nguy hiểm sinh ra trong quá trình cháy

Chất độc sinh ra

Khói lửa, hơi khói, các sản phẩm cháy không hoàn toàn, các oxit của cacbon, NO_x, SO_x.

CÔNG CỤ CHỮA CHÁY

Người cứu hộ mang thiết bị bảo hộ thích hợp.

Sơ tán khu vực.

Các nhân viên cứu hỏa nên sử dụng thiết bị bảo hộ tiêu chuẩn và trong không gian khép kín, sử dụng thiết bị thở kín (SCBA).

Tắt tất cả các nguồn nhiên liệu nếu có thể, và sử dụng nước để làm nguội các vật liệu tiếp xúc với lửa.

Xịt nước làm nguội các bề mặt tiếp xúc với lửa và để bảo vệ nhân viên.

Sử dụng nước để làm nguội các bồn, thùng chứa và các bộ phận tiếp xúc với lửa.

Tránh hít phải các chất nguy hiểm sinh ra trong quá trình cháy và tránh tiếp xúc với da.

Đeo mặt nạ khí hoặc mặt nạ chống khí độc trong phòng kín hoặc nếu cần thiết.

Sử dụng bột nếu tiếp xúc với nhiệt và lửa.

Điểm chớp cháy [Phương pháp]: > 100 °C

Trên/ dưới giới hạn cháy (Thể tích % trong không khí): Không có dữ liệu

Nhiệt độ tự bốc cháy: Không có dữ liệu

6. CÁC BIỆN PHÁP THOÁT KHỎI TAI NẠN

BIỆN PHÁP BẢO VỆ CÁ NHÂN

Tránh tiếp xúc với các chất bị đổ ra.

Không đi tới hay đụng tới chất bị tràn ra.

Không hít phải bụi/ khói/ khí gas/ sương/ hơi/ phun của dầu.

Tránh xa các nguồn bắt cháy.

Nếu không nguy hiểm. Ngăn chặn sự rò rỉ.

Chú ý các chất và điều kiện cần tránh.

Thay quần áo đã bị nhiễm bẩn.

Đeo mặt nạ không khí hay thông khí phòng kín.

Tắt các nguồn tiếp xúc hoặc loại bỏ các nguồn phát lửa.

BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chống ô nhiễm nước.

Không phơi chất ra ngoài môi trường tự nhiên.

Nếu khu vực đã bị ô nhiễm, loại bỏ chất bằng các chất hấp thụ.

BIỆN PHÁP LÀM SẠCH

Sử dụng cát hoặc vật liệu hấp phụ chống cháy.

Thu lại các chất bị đổ ra vào thùng chứa thích hợp để loại bỏ chúng.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

CHÚ Ý TRONG XỬ LÝ AN TOÀN

Tránh tiếp xúc với da, mắt, tránh hít phải hơi.

Ngăn sự cố tràn nhỏ và rò rỉ để tránh trơn trượt nguy hiểm.

Không ăn hay hít phải chất. Rửa sạch tay và mặt sau khi xử lý.

Không làm nóng hay làm đầy áp thùng chứa rỗng.

Xử lý chất theo các quy tắc và quy định hiện hành.

Nhiệt độ tải hàng/ dỡ hàng: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Nhiệt độ vận chuyển: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Áp suất khi vận chuyển: Áp suất môi trường xung quanh.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ LƯU TRỮ AN TOÀN

Đóng kín thùng chứa.

Xử lý thùng chứa cẩn thận. Mở từ từ để điều chỉnh áp suất ra ngoài.

Lưu trữ trong khu vực thông thoáng.

Lưu trữ chất theo các quy tắc và quy định hiện hành.

Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Áp suất bảo quản: Áp suất môi trường xung quanh.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN TIẾP XÚC NGHỀ NGHIỆP

Dầu gia công kim loại : TWA : 0.8 mg/m³. (Dung môi chiết xuất hỗn hợp)

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Lắp đặt hệ thống thông khí thải cục bộ.

Kiểm tra nếu tiếp xúc phù hợp với các tiêu chuẩn tiếp xúc.

BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ hô hấp

Nên đeo mặt nạ hô hấp nếu thường xuyên sử dụng với chất lỏng này hoặc tiếp xúc quá mức.

Mặt nạ sẽ được cơ quan An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp Hàn Quốc chứng nhận.

Bảo vệ mắt

Đeo mắt kính chống hóa chất để bảo vệ mắt khỏi chất phân tán hoặc chất lỏng có hại.

Lắp đặt hệ thống rửa mắt gần khu vực làm việc.

Bảo vệ tay

Mang găng tay chống hóa chất.

Bảo vệ cơ thể

Mang đồ bảo hộ chống hóa chất.

9. PHYSICAL AND CHEMICAL INFORMATION

Hình thức tự nhiên	Chất lỏng màu vàng
Mùi	Mùi đặc trưng
pH (10% aq. Solution, 20°C)	9.58
Điểm nóng chảy	≤ -5 °C
Nhiệt độ sôi	Không có dữ liệu
Điểm chớp cháy	Không có dữ liệu
Sự oxi hóa	Ổn định
Tính dễ cháy	Không có dữ liệu
Sự cháy nổ	Ổn định
Áp suất hơi	Không có dữ liệu
Độ hòa tan trong nước	Tan trong nước
Mật độ hơi	Không có dữ liệu
Tỷ trọng	0.96 (15/4 °C)
Hệ số phân bố	Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu
Độ nhớt	Không có dữ liệu
Khối lượng phân tử	Không có dữ liệu

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

Độ ổn định

Ổn định ở điều kiện nhiệt độ và áp suất thường, sử dụng ở điều kiện thường.

Khả năng tạo ra các chất nguy hiểm trong quá trình cháy

Không xảy ra.

Điều kiện và chất cần tránh

Tất cả các nguồn gây cháy và quá nhiệt, và vật liệu cảm tiếp xúc (chất oxy hóa mạnh).

Chất tạo ra trong quá trình phân hủy

Các sản phẩm phân hủy nhiệt bao gồm các hợp chất Carbon độc hại (VD: CO, ..).

Khói độc, các khí gây kích ứng hoặc ăn mòn có thể sinh ra trong quá trình phân hủy nhiệt.

11. THÔNG TIN CHẤT ĐỘC

Thông tin được cung cấp dựa trên dữ liệu thành phần của một chất và thông tin về sinh thái học của một chất không được biết đến trong trường hợp không có dữ liệu.

NGUY CƠ KHẨN CẤP VÀ MỐI NGUY HẠI

Hít phải

Hít hơi có thể gây kích ứng đường hô hấp và ho, khó thở, buồn ngủ, chóng mặt, đau đầu và buồn nôn, tác nghẽn phổi, viêm phế quản.

Đính vào mắt

Có thể gây kích ứng.

Đính vào da

Có thể gây kích ứng hoặc phản ứng dị ứng da. Tiếp xúc nhiều lần có thể gây ra các vấn đề về da.

Nuốt phải

Nuốt phải có thể gây kích ứng, nôn mửa, tiêu chảy, đau dạ dày, gan và thận.

THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính đường miệng

LD50 >5700 mg/kg Thử nghiệm với chuột

Độc tính cấp tính qua da

LD50 2000 mg/kg Thử nghiệm với thỏ

Độc tính cấp tính khi hít phải

Mist LC50 > 3.0 mg/l 4 hr Thử nghiệm với chuột

Kích ứng da

Có thể gây kích ứng.

Kích ứng mắt

Có thể gây kích ứng.

Mẫn cảm với hô hấp

Không có dữ liệu

Mẫn cảm với da

Không mong đợi là một chất nhạy cảm da.

Độc tính cấp tính

Không có dữ liệu

Độc tính liều lặp lại

Không có dữ liệu

Biến đổi gen

Không có dữ liệu

Ảnh hưởng tới thể hệ sau	Có thể gây hại.
Tính gây ung thư	Có thể gây hại.
Độc tính cơ quan đích cụ thể (tiếp xúc 1 lần)	Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Độc tính cơ quan đích cụ thể (tiếp xúc nhiều lần)	Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Lời khuyên bổ sung	Không có dữ liệu

12. THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH THỦY SINH VÀ ĐỘC TÍNH SINH THÁI

Có hại cho đời sống thủy sinh với những ảnh hưởng lâu dài

Độc tính thủy sinh mãn tính

Không có dữ liệu

LAN TRÊN ĐẤT

Không có dữ liệu

ĐỘ BỀN/ KHẢ NĂNG PHÂN HỦY

Không có dữ liệu

KHẢ NĂNG PHÂN HỦY SINH HỌC : Không có dữ liệu

13. XEM XÉT XỬ LÝ

QUY ĐỊNH THỰC HIỆN VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Nếu lượng dầu còn lại trên 5% thì phân loại theo loại chất thải riêng.

BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

Xử lý trong một hệ thống tự xử lý hợp pháp hoặc thông qua các công ty xử lý chất thải.

Quản lý từ các cơ sở xử lý chất thải.

CHÚ Ý KHI XỬ LÝ

Theo các tiêu chuẩn chi tiết của Luật quản lý chất thải.

CẢNH BÁO THÙNG CHỨA RỖNG

Các thùng chứa rỗng có thể chứa chất dư thừa và có thể nguy hiểm

Không cố làm đầy hay làm sạch các thùng chứa khi không có các hướng dẫn thích hợp.

Các thùng phi trống nên trút hết nước và cất trữ an toàn cho tới khi sửa chữa lại hay xử lý.

Các thùng phi trống nên đưa vào tái chế, phục hồi, hay xử lý thông qua nhà thầu có chất lượng phù hợp hay đã có giấy phép và theo các quy định của nhà nước

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Số UN : 3082

Tên cơ sở vận chuyển : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.

Loại vận chuyển nguy hiểm : 9

Nhóm đóng gói : III

15. THÔNG TIN CÁC QUY ĐỊNH

Luật kiểm soát chất độc

Không áp dụng

Luật Kiểm soát An toàn khí áp cao

Không áp dụng

Luật về quản lý an toàn hàng hóa nguy hiểm

Loại dầu thứ 3 thuộc nhóm chất nguy hiểm thứ 4 ở Hàn Quốc (Dầu pha nước).

Quy định theo luật nước ngoài

OSHA : Không áp dụng

CERCLA 103 : Không áp dụng

EPCRA 302 : Không áp dụng

EPCRA 304 : Không áp dụng

EPCRA 313 : Không áp dụng

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Nguồn

Các dữ liệu nguyên vật liệu của các phòng thí nghiệm của chúng tôi, Cơ quan Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp Hàn Quốc và nhà cung cấp nguyên vật liệu thô.

Viết ngày

12/05/2017

Số lần sửa đổi. Sửa đổi lần cuối ngày

Rev. 2

10/12/2018

Tài liệu tham khảo khác

Các thông tin và khuyến nghị ở đây là kiến thức tốt nhất và niềm tin của chúng tôi, chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày ban hành. Các thông tin và khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng xem xét, kiểm tra.

Đó là trách nhiệm của người sử dụng để đáp ứng rằng sản phẩm là phù hợp cho mục đích sử dụng.

Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, trách nhiệm của người mua là đảm bảo phù hợp sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác đính kèm trên thùng chứa. Các thủ tục xử lý an toàn và cảnh báo phù hợp nên được cung cấp cho người xử lý và người sử dụng. Nghiêm cấm việc thay đổi tài liệu này. Trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, không được phép công bố lại hoặc truyền lại toàn bộ hay một phần tài liệu này.

Nếu bạn mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba để sử dụng ở nơi làm việc, trách nhiệm của bạn là nắm rõ các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ ai xử lý hoặc sử dụng sản phẩm được cung cấp đầy đủ thông tin trong bảng này. Nếu bạn là chủ, trách nhiệm của bạn là nói cho nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ nguy hiểm đã được mô tả trong bảng này và của bất kỳ sự phòng ngừa nên được nắm rõ.